



TỰA ĐỀ BÀI VIẾT (Arial/ 黑体, size 20)

Tác giả 1^①, Tác giả 2^②, & Tác giả 3^③ (Times New Roman/ 宋体, size 13)

Tóm tắt: Độ dài tối thiểu 150 từ (tiếng Anh) hoặc 150 chữ (tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Việt). Tóm tắt có cấu trúc 1 đoạn, cần nêu được mục đích, cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu của bài viết (Times New Roman/ 楷体, size 11, giãn dòng Multiple 1.2).

Từ khoá: Từ khoá 1; Từ khoá 2; Từ khoá 3. (có từ 3 đến 5 từ khoá, giữa các từ khoá là dấu chấm phẩy)
(Times New Roman/ 楷体, size 11, giãn dòng Multiple 1.2)

(có một dòng trống)

1. Mở đầu (Arial/ 黑体, size 14, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 2)

Nội dung phần mở đầu. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

Khuyến nghị tác giả sử dụng file định dạng này để trình bày bài viết. Sử dụng các tùy chọn trên menu Styles ở tab Home của Word

2. Cơ sở lý luận (Arial/ 黑体, size 14, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 2)

Nội dung Cơ sở lý luận. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

^① Giới thiệu tác giả theo cấu trúc: Học hàm, học vị, chức danh (giảng viên/ giảng viên chính/), họ tên tác giả, giảng viên Khoa..., Trường.... Hướng nghiên cứu chính: .Email: Tác giả 1 (Times New Roman/ 宋体, size 11, giãn dòng Multiple 1.2). Ví dụ:

^② **PGS. TS. Nguyễn Văn A**, giảng viên Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Hướng nghiên cứu chính: so sánh, đối chiếu ngôn ngữ Anh - Việt; giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. Email: nguyenvana@abc.edu.vn.

^③ Tương tự như trên

3. Phương pháp nghiên cứu (Arial/ 黑体, size 14, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 2)

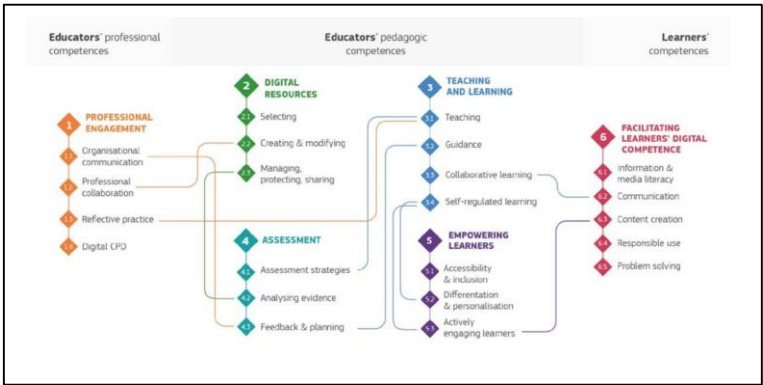
Nội dung Phương pháp nghiên cứu. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận (Arial/ 黑体, size 14, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 2)

4.1. Tiểu mục 4.1. (Arial/ 黑体, size 13, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 3)

4.1.1. Tiểu mục 4.1.1. (Arial/ 黑体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 4)

Nội dung Tiểu mục. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)



Hình 1. Tên hình đặt phía dưới hình, in nghiêng. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2)

4.1.2. Tiểu mục 4.1.2. (Arial/ 黑体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 4)

Nội dung Tiểu mục. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

Bảng 1. Tên bảng đặt phía trên bảng, in nghiêng. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2)

Cột 1	Cột 2	Cột 3
Nội dung bảng (Times New Roman/ 宋体, size 11, giãn dòng single)		
Nội dung bảng (Times New Roman/ 宋体,		

size 11, giãn dòng single)		
Nội dung bảng (Times New Roman/ 宋体, size 11, giãn dòng single)		

4.2. Tiểu mục 4.2. (Arial/ 黑体, size 13, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 3)

Nội dung Tiểu mục. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

Các trích dẫn trong bài viết cần được trình bày theo APA 7th.

Tác giả người Việt hoặc người Trung Quốc thì ghi rõ Họ và tên của tác giả. Ví dụ:

(Nguyễn Quang Nhật, & Nguyễn Ngọc Phương Dung, 2024)

hoặc Nguyễn Quang Nhật và Nguyễn Ngọc Phương Dung (2024)

4.3. Tiểu mục 4.3. (Arial/ 黑体, size 13, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 3)

Nội dung Tiểu mục. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

5. Kết luận và kiến nghị (Arial/ 黑体, size 14, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 2)

Nội dung Kết luận và kiến nghị. (Times New Roman/ 宋体, size 12, giãn dòng Multiple 1.2, Normal)

Tài liệu tham khảo (Arial/ 黑体, size 14, giãn dòng Multiple 1.2, Heading 2)

Diệp Quang Ban (2011). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Nhà xuất bản Giáo dục.

Đỗ Thị Xuân Dung (2015). *Đối chiếu đặc điểm diễn ngôn của khẩu hiệu tiếng Anh và tiếng Việt* [Luận án tiến sĩ, Đại học Huế].

Lưu Hón Vũ (2023). Phân tích lỗi nhầm lẫn các từ tiếng Trung Quốc “bian (变)”, “gaibian (改变)” và “bianhua (变化)” của sinh viên Việt Nam. *Tạp chí khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 18(2), 89-99.

Nguyễn Quang Nhật, & Lê Thị Minh Thuỷ (2016). Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy từ vựng và ngữ pháp tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Giảng dạy ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên* (trang 105-127). Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Fountain, Y. (2019). Physical activity games. In J. Stone & C. E. Schaefer (Eds.), *Game play: Therapeutic use of games with children and adolescents* (3rd ed., pp. 79–98). John Wiley & Sons.

Lưu ý:

Tài liệu tham khảo trình bày theo APA 7th, chỉ liệt kê các tài liệu trích dẫn trong bài viết (Times New Roman/ 宋体, size 11, hanging 1 cm, giãn dòng Multiple 1.2, TLTK).

Phân loại tài liệu theo ngôn ngữ, sắp xếp theo ABC. Tài liệu tiếng Việt để trước, sau đó đến tài liệu tiếng Anh, tiếng Trung Quốc...

Tác giả người Việt hoặc người Trung Quốc thì ghi rõ Họ và tên của tác giả.

Tài liệu tiếng Trung Quốc, khi trình bày cần sử dụng dấu chấm và dấu phẩy font Times New Roman

Cách trình bày tài liệu là bài báo trên tạp chí:

Họ tên tác giả 1, & Họ tên tác giả 2 (năm). Tên bài báo. *Tên tạp chí, tập (số), trang - trang.*

Ví dụ:

Lưu Hón Vũ (2023). Phân tích lỗi nhầm lẫn các từ tiếng Trung Quốc “bian (变)”, “gaibian (改变)” và “bianhua (变化)” của sinh viên Việt Nam. *Tạp chí khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 18(2), 89-99.

Cách trình bày tài liệu là bài báo trên kỷ yếu hội thảo

Họ tên tác giả 1, & Họ tên tác giả 2 (năm). Tên bài viết. Trong *Tên kỷ yếu hội thảo (trang số - số)*. Nhà xuất bản.

Ví dụ:

Nguyễn Quang Nhật, & Lê Thị Minh Thủy (2016). Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy từ vựng và ngữ pháp tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Giảng dạy ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên* (trang 105-127). Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Cách trình bày tài liệu là chương sách

Họ tên tác giả 1, & Họ tên tác giả 2 (năm). Tên chương sách. Trong Họ tên chủ biên (Eds.), *Tên kỷ yếu hội thảo (pp. trang - trang)*. Nhà xuất bản.

Ví dụ:

Fountain, Y. (2019). Physical activity games. In J. Stone & C. E. Schaefer (Eds.), *Game play: Therapeutic use of games with children and adolescents* (3rd ed., pp. 79–98). John Wiley & Sons.

Cách trình bày tài liệu là sách

Họ tên tác giả 1, & Họ tên tác giả 2 (năm). *Tên sách*. Nhà xuất bản.

Ví dụ:

Diệp Quang Ban (2011). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Nhà xuất bản Giáo dục.

Cách trình bày tài liệu là luận văn/ luận án

Họ tên tác giả (năm). *Tên luận văn/ luận án* [Luận án tiến sĩ/ Luận văn thạc sĩ, Cơ sở đào tạo].

Ví dụ:

Đỗ Thị Xuân Dung (2015). *Đối chiếu đặc điểm diễn ngôn của khẩu hiệu tiếng Anh và tiếng Việt* [Luận án tiến sĩ, Đại học Huế].